

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	07 - 54
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 - 54

10 11105 -

CÔNG TY
KIỂM HỮU

13 - 54 KIỂM TỐ
ASC

KIỂM - TR

CÔNG TY
KIỂM HỮU
M.S

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Searefico (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Searefico là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301825452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 1999 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 22) ngày 12 tháng 01 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là SRF theo Giấy phép niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2009 và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên	
Ông Ryota Fukuda	Thành viên	
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên	
Ông Yoshihiko Shiotsugu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 17/06/2024)
Ông Phạm Kyle Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2024)

CÁC BAN/ PHÒNG BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm từ ngày 17/06/2024)
Ông Phạm Kyle Anh Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2024)
Ông Yoshihiko Shiotsugu	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 30/07/2024)
Ông Ryota Fukuda	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 30/07/2024)
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 14/06/2024)

Các thành viên của Ủy ban Đầu tư và Nghiên cứu - Phát triển bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên

Các thành viên của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

Ông Lê Quang Phúc	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 30/07/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Các thành viên của Ủy ban Chiến lược bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2024)
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2024)
Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Thức	Tổng Giám đốc điều hành	
Ông Trần Đình Mườì	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Kinh Luân	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2024)
Ông Đinh Ngọc Triển	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Xuân Thức	Tổng Giám đốc điều hành

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc điều hành



Vũ Xuân Thức

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Searefco

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Searefco được lập ngày 29 tháng 08 năm 2024, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về các số dư nợ phải thu tại ngày 30/06/2024 và tại ngày 31/12/2023, cũng như chưa thể thu thập được đầy đủ tài liệu cần thiết thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu tại các thời điểm tương ứng với tổng giá trị lần lượt là 102.479.596.107 VND và 103.332.248.602 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan đến dự phòng nợ phải thu khó đòi, cũng như ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	30/06/2024	31/12/2023
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	87.801.501.706	89.463.116.702
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10.309.481.129	9.817.342.091
Phải thu khác ngắn hạn	136	4.368.613.272	4.051.789.809

Ngoài ra, đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về số dư các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2024 và tại ngày 31/12/2023 với tổng giá trị lần lượt là 98.747.331.928 VND và 103.122.312.511 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 hay không. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	87.028.282.841	89.974.461.735
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.570.617.001	5.570.617.001
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.148.432.086	7.577.233.775

Mặc dù đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết nhưng chúng tôi vẫn không thể thu thập được đầy đủ tài liệu thích hợp để đánh giá tính đầy đủ và giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình xây dựng dở dang đang trình bày trên khoản mục "Hàng tồn kho" (Mã số 141) với giá trị tại ngày 30/06/2024 và tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 26.954.398.511 VND và 26.865.239.396 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này và các chỉ tiêu khác có liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 hay không.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (COFICO) đã ghi nhận khoản phạt liên doanh như đã thông báo cho Công ty về số tiền 22.038.757.467 VND mà Công ty phải trả bao gồm khoản tiền phạt trễ tiến độ và các chi phí khác liên quan đến dự án Gateway Thảo Điền, tuy nhiên phía Công ty vẫn chưa ghi nhận do chưa thống nhất giá trị. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ tài liệu thích hợp về nghĩa vụ của Công ty đối với COFICO, do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này, cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Searefico tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		346.907.399.761	384.228.779.081
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.464.273.490	18.039.818.643
111	1. Tiền		1.464.273.490	9.039.818.643
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	35.000.000.000	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		35.000.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		279.091.490.442	306.149.475.135
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	172.785.255.935	176.768.699.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	17.909.783.149	17.808.821.710
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	65.466.275.882	81.890.275.882
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	25.714.603.994	32.466.106.935
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.784.428.518)	(2.784.428.519)
140	IV. Hàng tồn kho	10	26.954.398.511	26.865.239.396
141	1. Hàng tồn kho		26.954.398.511	26.865.239.396
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.397.237.318	3.174.245.907
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.237.459.930	779.452.152
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.060.942.315	2.384.233.576
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	98.835.073	10.560.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		350.217.445.512	341.645.442.320
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.274.000.000	1.362.640.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	10.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	08	274.000.000	1.362.640.000
220	II. Tài sản cố định		1.812.877.443	2.118.900.915
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.735.229.115	2.009.920.677
222	- Nguyên giá		5.962.421.904	8.206.521.904
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.227.192.789)	(6.196.601.227)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	77.648.328	108.980.238
228	- Nguyên giá		1.915.549.218	1.915.549.218
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.837.900.890)	(1.806.568.980)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	26.847.302.012	26.847.302.012
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		26.847.302.012	26.847.302.012
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	309.910.906.116	309.910.906.116
251	1. Đầu tư vào công ty con		308.354.188.754	308.354.188.754
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.456.717.362	3.456.717.362
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.372.359.941	1.405.693.277
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	127.777.772	161.111.108
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32	1.244.582.169	1.244.582.169
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		697.124.845.273	725.874.221.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		320.074.965.158	349.114.871.261
310	I. Nợ ngắn hạn		317.575.153.408	346.471.059.511
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	186.248.084.262	220.236.208.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	28.092.788.409	28.092.788.409
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	179.636.586	673.136.940
314	4. Phải trả người lao động		1.094.072.404	289.012.903
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	14.169.252.438	27.105.776.730
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	12.847.853.277	14.597.127.988
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	71.794.775.241	50.499.473.234
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	280.894.525	280.894.525
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.867.796.266	4.696.640.710
330	II. Nợ dài hạn		2.499.811.750	2.643.811.750
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	623.000.000	767.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	1.876.811.750	1.876.811.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		377.049.880.115	376.759.350.140
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	377.049.880.115	376.759.350.140
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		355.667.800.000	355.667.800.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>355.667.800.000</i>	<i>355.667.800.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		284.019.059	284.019.059
415	3. Cổ phiếu quỹ		(29.238.407.099)	(29.238.407.099)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.427.578.589	5.427.578.589
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.908.889.566	44.618.359.591
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>44.618.359.591</i>	<i>43.297.895.148</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>290.529.975</i>	<i>1.320.464.443</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		697.124.845.273	725.874.221.401

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thành Tâm

Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Triển

Tổng Giám đốc điều hành




Vũ Xuân Thức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	4.743.577.934	45.392.401.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.743.577.934	45.392.401.000
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.194.294.302	36.391.772.174
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.549.283.632	9.000.628.826
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	9.435.105.186	9.537.055.152
22	7. Chi phí tài chính	27	2.281.018.474	7.268.659.451
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.264.286.584	6.490.237.940
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	10.755.628.796	10.955.562.413
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(52.258.452)	313.462.114
31	10. Thu nhập khác	29	831.374.946	891.461.054
32	11. Chi phí khác	30	301.960	162.651.317
40	12. Lợi nhuận khác		831.072.986	728.809.737
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		778.814.534	1.042.271.851
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	488.284.559	540.342.698
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	-	47.120.000
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		290.529.975	454.809.153

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thành Tâm

Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Triển

Pông Giám đốc điều hành



Vũ Xuân Thúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		778.814.534	1.042.271.851
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		306.023.472	356.132.757
03	- Các khoản dự phòng		(1)	(139.706.389)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.538.780	778.342.532
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.423.865.186)	(9.537.055.152)
06	- Chi phí lãi vay		2.264.286.584	6.490.237.940
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.058.201.817)	(1.009.776.461)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.049.067.582	(9.335.167.395)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(89.159.115)	1.684.621.485
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(47.761.462.034)	(22.977.828.924)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(424.674.442)	(439.860.507)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.600.676.436)	(4.875.234.125)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(868.170.192)	(11.653.038.979)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.828.844.444)	(235.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(42.582.120.898)	(48.841.884.906)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(93.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(49.600.000.000)	(54.200.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		51.024.000.000	22.600.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.431.273.738	3.783.399.237
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.855.273.738	(27.909.600.763)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		42.953.801.288	61.389.854.532
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(21.802.499.281)	(25.938.763.884)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>21.151.302.007</i>	<i>35.451.090.648</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(16.575.545.153)	(41.300.395.021)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		18.039.818.643	102.022.909.817
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>1.464.273.490</u>	<u>60.722.514.796</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thành Tâm

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Triển

Tổng Giám đốc điều hành



Vũ Xuân Thúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Searefico là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301825452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 1999 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 22) ngày 12 tháng 01 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là SRF theo Giấy phép niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2009 và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 355.667.800.000 VND tương đương với 35.566.780 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 19 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 22 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thi công, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty:

- Tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất và gia công, chế tạo máy móc, thiết bị vật liệu cơ điện lạnh;
- Thầu thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh, các phương tiện vận tải;
- Kinh doanh các loại vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích và xây dựng nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất và dịch vụ của Công ty không quá 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động xây dựng được tính từ khi bắt đầu thi công đến khi quyết toán xong, chu kỳ này kéo dài trên 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty 06 tháng đầu năm 2024 là 778.814.534 VND, giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2024 giảm 40.648.823.066 VND (tương đương 89,55%), Giá vốn hàng bán giảm 35.197.477.872 VND (tương đương 96,72%). Chủ yếu là do trong kỳ này Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt đã ký với khách hàng từ năm trước, tiến độ thi công nghiệm thu hoàn thành và bàn giao nhiều hạng mục công trình với khách hàng theo đúng kế hoạch.
- Chi phí tài chính kỳ này giảm 4.987.640.977 VND (tương đương 68,62%), chủ yếu là do chi phí lãi vay kỳ này giảm mạnh. Nguyên nhân trong 06 tháng đầu năm 2024 nhu cầu sử dụng vốn vay không cao, Công ty vẫn thu xếp được nguồn tài chính sẵn có để đáp ứng được hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

Tổng hợp các nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty 06 tháng đầu năm 2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cơ Điện lạnh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Searefico (gọi tắt là "Chi nhánh") ⁽ⁱ⁾	Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

⁽ⁱ⁾ Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301825452-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 17/01/2000 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 10) ngày 14/09/2021. Chi nhánh tổ chức hoạt động theo mô hình chi nhánh hạch toán độc lập, theo đó Chi nhánh có đơn vị kế toán hoạt động hoàn toàn độc lập với công ty chủ quản (trụ sở chính), tự xác định chi phí tính thuế và thu nhập tính thuế, chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế TNDN và Báo cáo tài chính cuối năm tại chi nhánh.

Theo Quyết định số 032A/QĐ/SRF/HĐQT/22 ngày 15/11/2022, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động và giải thể Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

Chi nhánh đang tiến hành hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải quyết các nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chấm dứt hoạt động, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ nghĩa vụ và quyền lợi (nếu có) của Chi nhánh theo giá trị sổ sách, bao gồm việc chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động (nếu có) hoặc giải quyết đầy đủ quyền lợi hợp pháp của người lao động đã làm việc tại Chi nhánh theo thỏa thuận với người lao động và quy định pháp luật. Do đó, Công ty không tiến hành đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả tại Chi nhánh khi lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty. Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Tỷ suất lãi gộp đối với hợp đồng xây dựng;
- Ước tính các khoản dự phòng phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào cuối kỳ kế toán.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hiện hữu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó hay không.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại Chi nhánh do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó toàn bộ các khoản nợ phải thu được trình bày ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá gốc của khoản công nợ phải thu đó.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Giá gốc của từng loại Hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, bao gồm giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến từng công trình.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán ước tính của vật liệu và công trình xây lắp trong kỳ kinh doanh bình thường trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành công trình và chi phí ước tính cần thiết cho việc chuyển giao.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại Chi nhánh do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

2.11 . Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng bằng văn bản được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi các chi phí này đã phát sinh trong kỳ kế toán.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

Tại Chi nhánh do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản đó và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Tại Chi nhánh do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó toàn bộ các khoản nợ phải trả được trình bày ngắn hạn.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá kỹ thuật của từng loại, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Các chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

Dự phòng bảo hành công trình

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập cho các công trình xây dựng đã hoàn thành và nghiệm thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo cam kết với khách hàng nhưng không quá 5% giá trị hợp đồng đối với các công trình xây dựng này dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước mỗi kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc theo luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu (06) tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01/01/2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01/01/2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết nghị thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm. Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được theo dõi và ghi nhận cho từng đối tượng cụ thể sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu từ Hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh số 2.11.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn Hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây dựng và tỷ suất lãi gộp ước tính theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu. Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc các Khối trực thuộc Công ty có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thi công, lắp đặt hệ thống xây dựng khác và hoạt động khác là thu phí quản lý các công ty con trên lãnh thổ Việt Nam. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu Tổng doanh thu toàn Công ty và kết quả hoạt động của Công ty. Do đó, theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận thì Công ty không phải lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.464.273.490	9.039.818.643
Các khoản tương đương tiền	-	9.000.000.000
	1.464.273.490	18.039.818.643

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	35.000.000.000	-	30.000.000.000	-
	35.000.000.000	-	30.000.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,5%/năm đến 3,6%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
Đầu tư vào công ty con	308.354.188.754	-		308.354.188.754	-	
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico ("Searefico E&C")	148.970.000.000	-	99,31	148.970.000.000	-	99,31
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu ("Arico")	96.384.188.754	-	84,00	96.384.188.754	-	84,00
- Công ty Cổ phần Bất động sản Seareal ("Seareal")	63.000.000.000	-	98,40	63.000.000.000	-	98,40
Đầu tư vào đơn vị khác	3.456.717.362	(1.900.000.000)		3.456.717.362	(1.900.000.000)	
- Công ty Cổ phần Hoá chất và Công nghệ nước Quốc tế ("Inwatek")	1.556.717.362	-	1,73	1.556.717.362	-	1,73
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Formtek ("Formtek")	1.900.000.000	(1.900.000.000)	19,00	1.900.000.000	(1.900.000.000)	19,00
	311.810.906.116	(1.900.000.000)		311.810.906.116	(1.900.000.000)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các khoản đầu tư nêu trên do Công ty trực tiếp đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có các công ty con gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp và các khoản đầu tư khác do các công ty con trong Nhóm Công ty đầu tư trực tiếp. Danh sách các khoản đầu tư gián tiếp của Công ty được trình bày đầy đủ trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trực tiếp của Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

Công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico ("Searefico E&C")	Thành phố Hồ Chí Minh	99,31%	99,31%	Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp; hệ thống điều hòa không khí
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu ("Arico")	Thành phố Hồ Chí Minh	84,00%	84,00%	Thi công hệ thống cơ điện lạnh; sản xuất vật liệu cách nhiệt
Công ty Cổ phần Bất động sản Seareal ("Seareal") ⁽ⁱ⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	98,40%	Kinh doanh Bất động sản
⁽ⁱ⁾ Seareal được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0315917167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2019 và đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 1) ngày 13 tháng 02 năm 2020. Vốn điều lệ đăng ký là 100.000.000.000 VND tương đương với 10.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Công ty cam kết góp 98.400.000.000 VND tương đương tỷ lệ biểu quyết 98,4%. Vốn thực góp của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2024 và tại ngày 31/12/2023 là 63.000.000.000 VND (trong đó Công ty đã góp 63.000.000.000 VND).				
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Hoá chất và Công nghệ nước Quốc tế ("Inwatek")	Thành phố Hồ Chí Minh	1,73%	1,73%	Bán buôn máy móc, thiết bị trong ngành sản xuất nước; lắp đặt hệ thống xử lý và khai thác nước sạch
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Formtek ("Formtek")	Thành phố Hồ Chí Minh	19,00%	19,00%	Sản xuất đồ dùng kim loại, thiết bị dân dụng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và xây dựng chuyên dụng khác

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	10.909.270.187	-	4.001.870.762	-
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	9.517.566.232	-	3.919.480.762	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	1.391.703.955	-	82.390.000	-
Phải thu khách hàng là các bên khác	161.875.985.748	(2.583.428.856)	172.766.828.365	(2.583.428.857)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Syrena Phú Quốc	36.100.200.590	-	34.590.755.524	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Dự án số 1	27.633.626.414	-	27.633.626.414	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (COFICO)	21.475.604.712	(184.237.840)	21.975.604.712	(184.237.840)
- Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	16.588.743.960	-	17.788.743.960	-
- Công ty TNHH Du Lịch Biển Đông Mũi Né	13.573.418.547	-	13.573.418.547	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô ⁽¹⁾	9.848.585.945	-	9.848.585.945	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	36.655.805.580	(2.399.191.016)	47.356.093.263	(2.399.191.017)
	172.785.255.935	(2.583.428.856)	176.768.699.127	(2.583.428.857)

Tại Chi nhánh do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá gốc khoản nợ phải thu, không phản ánh dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 09).

⁽¹⁾ Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36b.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	200.999.662	(200.999.662)	200.999.662	(200.999.662)
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Formtek	200.999.662	(200.999.662)	200.999.662	(200.999.662)
Trả trước cho người bán là các bên khác	17.708.783.487	-	17.607.822.048	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp CDH Hà Nội	3.216.923.076	-	3.216.923.076	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Xuất nhập khẩu Gia Hưng	2.343.178.838	-	2.343.178.838	-
- Công ty Luật TNHH ALB & Partners	1.658.400.000	-	1.658.400.000	-
- Các đối tượng khác	10.490.281.573	-	10.389.320.134	-
	17.909.783.149	(200.999.662)	17.808.821.710	(200.999.662)

Tại Chi nhánh do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá gốc khoản nợ phải thu, không phản ánh dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 09).

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
Các bên liên quan					
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	20.200.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		20.200.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	38.000.000.000	-	5.500.000.000		32.500.000.000
- Công ty Cổ phần Greenpan	13.200.000.000	500.000.000	10.500.000.000		3.200.000.000
- Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	10.490.275.882	-	924.000.000		9.566.275.882
	81.890.275.882	1.500.000.000	17.924.000.000		65.466.275.882
b) Dài hạn					
Cho vay dài hạn là bên liên quan					
- Công ty Cổ phần Greenpan	-	10.000.000.000	-		10.000.000.000
	-	10.000.000.000	-		10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**Thông tin chi tiết về khoản cho vay ngắn hạn như sau:**

Hợp đồng vay vốn	Thời hạn	Lãi suất	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu

Hợp đồng cho vay số 01-2022/HĐCV-SRF-ARC ngày 16/11/2022 và Phụ lục số 01 ngày 14/01/2023	Tự động gia hạn 09 tháng đến khi thanh toán hết khoản vay	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	8.000.000.000	13.500.000.000
Hợp đồng cho vay số 01-2023/HĐCV/SRF-ARC ngày 013/01/2023 và Phụ lục số 01-2023 ngày 13/10/2023	Tự động gia hạn 09 tháng đến khi thanh toán hết khoản vay	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	24.500.000.000	24.500.000.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico

Hợp đồng cho vay số 20221104-2/HĐCV-SRF-ENC ngày 04/11/2022	Theo từng lần nhận nợ	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	3.700.000.000	3.700.000.000
Hợp đồng cho vay số 20230707/HĐCV-SRF-ENC ngày 07/07/2023	Theo từng lần nhận nợ	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	4.500.000.000	4.500.000.000
Hợp đồng cho vay số 20230307/HĐCV-SRF-ENC ngày 07/03/2023	Theo từng lần nhận nợ	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	12.000.000.000	12.000.000.000

Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation

Biên bản thỏa thuận chuyển nợ phải thu khách hàng gốc và lãi phạt chậm thanh toán thành khoản cho vay ngày 01/10/2023	Không kỳ hạn	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	9.566.275.882	10.490.275.882
---	--------------	--	---------------	----------------

Công ty Cổ phần GreenPan

Hợp đồng cho vay số 022022/HĐCV-SRF-GNP ngày 30/12/2022	Đến ngày 30/03/2024	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	-	10.000.000.000
Hợp đồng cho vay số 062023/HĐCV-SRF-GNP ngày 25/07/2023	Tự động gia hạn 09 tháng đến khi thanh toán hết khoản vay	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	3.200.000.000	3.200.000.000

65.466.275.882	81.890.275.882
-----------------------	-----------------------

Thông tin chi tiết về khoản cho vay dài hạn như sau:**Công ty Cổ phần GreenPan**

Hợp đồng cho vay số 022022/HĐCV-SRF-GNP ngày 30/12/2022 và Phụ lục 01 ngày 30/03/2024	Đến ngày 31/08/2025 và tự động gia hạn 15 tháng đến khi thanh toán hết khoản vay	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	10.000.000.000	-
---	--	--	----------------	---

10.000.000.000	-
-----------------------	----------

⁽⁹⁾ Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về tạm ứng	1.820.740.781	-	1.562.094.717	-
- Ký cược, ký quỹ	655.773.376	-	779.773.376	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	11.435.900.000	-	5.924.010.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	8.238.798.558	-	8.158.097.110	-
- Phải thu về chi hộ	136.265.326	-	-	-
- Phải thu khác	3.427.125.953	-	16.042.131.732	-
	25.714.603.994	-	32.466.106.935	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Phải thu các bên liên quan	20.068.477.150	-	25.659.897.664	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	10.967.880.261	-	13.229.921.076	-
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	6.092.527.749	-	9.396.681.072	-
- Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	844.440.163	-	470.923.453	-
- Công ty Cổ phần Greenpan	2.066.616.656	-	1.703.537.754	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	35.789.444	-	49.597.988	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Seareal	61.222.877	-	18.413.527	-
- Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-	790.822.794	-
Phải thu các bên khác	5.646.126.844	-	6.806.209.271	-
- Công ty Cổ phần Hoá chất và Công nghệ nước Quốc tế	658.643.288	-	658.643.288	-
- Phải thu các Ngân hàng thương mại lãi tiền gửi	365.342.465	-	494.520.546	-
- Các đối tượng khác	4.622.141.091	-	5.653.045.437	-
	25.714.603.994	-	32.466.106.935	-
b) Dài hạn				
Chi tiết theo nội dung				
- Ký cược, ký quỹ	274.000.000	-	1.362.640.000	-
	274.000.000	-	1.362.640.000	-

Tại Chi nhánh do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá gốc khoản nợ phải thu, không phản ánh dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 09).

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp ⁽¹⁾	84.360.709.259	-	84.360.709.259	-
- Công ty TNHH I.V.C	5.121.677.090	-	5.121.677.090	-
- Các đối tượng khác	14.025.089.701	6.648.357.659	14.025.089.701	6.648.357.659
	103.507.476.050	6.648.357.659	103.507.476.050	6.648.357.659

⁽¹⁾ Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36a.**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽¹⁾	26.954.398.511	-	26.865.239.396	-
	26.954.398.511	-	26.865.239.396	-

⁽¹⁾ Thông tin chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo dự án như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án Hải Đăng City Giai đoạn 2 (THE ZEI)	9.615.981.611	9.584.312.670
Công trình Khu dân cư Gateway	8.686.833.794	8.686.833.794
Công trình Khách sạn Radisson Blu	6.441.731.409	6.441.731.409
Các dự án khác	2.209.851.697	2.152.361.523
	26.954.398.511	26.865.239.396

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm	77.500.000	77.500.000
- Mua tài sản khác	77.500.000	77.500.000
Xây dựng cơ bản	26.769.802.012	26.769.802.012
- Đầu tư xây dựng dở dang Căn hộ Marina Square Phú Quốc	13.704.464.512	13.704.464.512
- Đầu tư xây dựng dở dang Căn hộ Hilton Đà Nẵng	13.065.337.500	13.065.337.500
	26.847.302.012	26.847.302.012

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	5.552.124.545	2.654.397.359	8.206.521.904
- Thanh lý, nhượng bán	(2.244.100.000)	-	(2.244.100.000)
Số dư cuối kỳ	3.308.024.545	2.654.397.359	5.962.421.904
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.979.918.277	2.216.682.950	6.196.601.227
- Khấu hao trong kỳ	124.231.230	150.460.332	274.691.562
- Thanh lý, nhượng bán	(2.244.100.000)	-	(2.244.100.000)
Số dư cuối kỳ	1.860.049.507	2.367.143.282	4.227.192.789
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.572.206.268	437.714.409	2.009.920.677
Tại ngày cuối kỳ	1.447.975.038	287.254.077	1.735.229.115

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.400.350.662 VND.

Tại Chi nhánh do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 (Trong đó, nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.720.561.303 VND).

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.915.549.218	1.915.549.218
Số dư cuối kỳ	1.915.549.218	1.915.549.218
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.806.568.980	1.806.568.980
- Khấu hao trong kỳ	31.331.910	31.331.910
Số dư cuối kỳ	1.837.900.890	1.837.900.890
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	108.980.238	108.980.238
Tại ngày cuối kỳ	77.648.328	77.648.328

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.762.978.260 VND.

Tại Chi nhánh do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 30/06/2024, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 (Trong đó, nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 248.648.000 VND).

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	51.160.898	72.064.435
- Chi phí bảo hiểm	18.793.280	127.583.509
- Các chi phí trả trước khác	1.167.505.752	579.804.208
	1.237.459.930	779.452.152
b) Dài hạn		
- Chi phí tư vấn quản trị nhân sự	127.777.772	161.111.108
	127.777.772	161.111.108

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	50.211.473.234	50.211.473.234	42.953.801.288	21.658.499.281	71.506.775.241	71.506.775.241
Tổ chức tín dụng	21.730.490.234	21.730.490.234	17.846.601.288	20.905.599.281	18.671.492.241	18.671.492.241
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	9.724.581.570	9.724.581.570	4.517.159.273	8.899.690.617	5.342.050.226	5.342.050.226
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	12.005.908.664	12.005.908.664	13.329.442.015	12.005.908.664	13.329.442.015	13.329.442.015
Tổ chức khác là các bên liên quan	28.480.983.000	28.480.983.000	25.107.200.000	752.900.000	52.835.283.000	52.835.283.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	15.538.580.433	15.538.580.433	-	-	15.538.580.433	15.538.580.433
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	12.379.560.341	12.379.560.341	25.107.200.000	752.900.000	36.733.860.341	36.733.860.341
- Công ty Cổ phần Greenpan	562.842.226	562.842.226	-	-	562.842.226	562.842.226
Vay dài hạn đến hạn trả	288.000.000	288.000.000	144.000.000	144.000.000	288.000.000	288.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	288.000.000	288.000.000	144.000.000	144.000.000	288.000.000	288.000.000
	50.499.473.234	50.499.473.234	43.097.801.288	21.802.499.281	71.794.775.241	71.794.775.241

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Các khoản Vay dài hạn	1.055.000.000	1.055.000.000	-	144.000.000	911.000.000	911.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.055.000.000	1.055.000.000	-	144.000.000	911.000.000	911.000.000
	1.055.000.000	1.055.000.000	-	144.000.000	911.000.000	911.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(288.000.000)	(288.000.000)	(144.000.000)	(144.000.000)	(288.000.000)	(288.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	767.000.000	767.000.000			623.000.000	623.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**15 . CÁC KHOẢN VAY**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	30/06/2024
						VND
Tổ chức tín dụng						18.671.492.241
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1475309/2023/HĐTĐ ngày 13/02/2023 và các phụ lục đính kèm	Theo từng Khế ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	5.342.050.226
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	Hợp đồng cấp tín dụng số HCM2023867439/HĐCTD ngày 03/03/2023 và các phụ lục đính kèm	Theo từng Khế ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	13.329.442.015
Tổ chức khác là các bên liên quan						52.835.283.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico (Searefico E&C)	Hợp đồng số 20230401/HĐCV-ENC-SRF ngày 01/04/2023	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	Từ 06 - 09 tháng kể từ ngày giải ngân đối với từng khoản vay (Tự động gia hạn nếu không có văn bản thay thế)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	7.117.200.000
	Hợp đồng số 20221212/HĐCV-ENC-SRF ngày 12/12/2022			Tín chấp	4.158.380.433	
	Hợp đồng số 20230104/HĐCV-ENC-SRF ngày 04/01/2023			Tín chấp	3.602.000.000	
	Hợp đồng số 20230701/HĐCV- ENC-SRE ngày 01/07/2023			Tín chấp	480.000.000	
	Hợp đồng số 20221215/HĐCV-ENC-SRF ngày 15/12/2022			Tín chấp	75.000.000	
	Hợp đồng số 20221223/HĐCV-ENC-SRF ngày 23/12/2022			Tín chấp	91.000.000	
	Hợp đồng số 20221227/HĐCV-ENC-SRF ngày 27/12/2022			Tín chấp	15.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . CÁC KHOẢN VAY

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	30/06/2024
						VND
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh Searee (Searee)	Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/09/2022	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	09 tháng (Tự động gia hạn nếu không có văn bản thay thế)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	36.733.860.341
Công ty Cổ phần Greenpan	Hợp đồng cho vay nội bộ ngày 30/12/2021	Lãi suất thay đổi định kỳ theo thông báo của bên cho vay	12 tháng (Tự động gia hạn nếu không có văn bản thay thế)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	562.842.226
						71.506.775.241

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Hạn mức cho vay	30/06/2024
							VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	Hợp đồng tín dụng số HCM20231160884/HDTD ngày 06/09/2023	Lãi suất thả nổi	48 tháng	Tài trợ chi phí mua sắm Tài sản cố định	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số HCM202312614 05/HĐTC ngày 06/09/2023	1.151.000.000	911.000.000
							911.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng							288.000.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng							623.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	66.730.942.908	66.730.942.908	93.824.569.563	93.824.569.563
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	60.928.992.534	60.928.992.534	61.228.815.078	61.228.815.078
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	5.799.200.374	5.799.200.374	32.593.004.485	32.593.004.485
- Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
Phải trả người bán là các bên khác	119.517.141.354	119.517.141.354	126.411.638.509	126.411.638.509
- System Logistics S.P.A.	14.913.595.803	14.913.595.803	14.912.083.800	14.912.083.800
- Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp điện Thế Minh	11.081.998.155	11.081.998.155	11.231.998.155	11.231.998.155
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	9.678.950.681	9.678.950.681	9.678.950.681	9.678.950.681
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	4.314.912.679	4.314.912.679	5.594.847.497	5.594.847.497
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ điện M.E.T	2.540.992.440	2.540.992.440	2.540.992.440	2.540.992.440
- Phải trả các đối tượng khác	76.986.691.596	76.986.691.596	82.452.765.936	82.452.765.936
	186.248.084.262	186.248.084.262	220.236.208.072	220.236.208.072

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.433.256.113	1.433.256.113
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	1.433.256.113	1.433.256.113
Người mua trả tiền trước là các bên khác	26.659.532.296	26.659.532.296
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Á Khánh Hoà	18.967.583.007	18.967.583.007
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Cam Ranh	4.758.953.650	4.758.953.650
- Các đối tượng khác	2.932.995.639	2.932.995.639
	28.092.788.409	28.092.788.409

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	10.560.179	18.157.874	70.039.745	59.479.566	-	18.157.874
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	10.418.436	10.418.436	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	298.604.768	488.284.559	868.170.192	98.835.073	17.554.208
- Thuế thu nhập cá nhân	-	356.374.298	788.320.147	1.000.769.941	-	143.924.504
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	450.008.050	450.008.050	-	-
	10.560.179	673.136.940	1.811.070.937	2.392.846.185	98.835.073	179.636.586

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	18.033.830	42.367.436
- Chi phí trích trước tại các công trình ⁽ⁱ⁾	13.560.218.608	26.685.669.325
- Chi phí phải trả khác	591.000.000	377.739.969
	14.169.252.438	27.105.776.730

⁽ⁱ⁾ Chi tiết Chi phí trích trước theo từng Công trình:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án Regent Phú Quốc	7.137.192.962	5.310.424.720
Dự án kho khô Bình Định	-	5.840.172.820
Dự án Rivana - Lắp đặt thiết bị hệ thống điện và cấp thoát nước công trình	-	4.547.960.767
Dự án khác	6.423.025.646	10.987.111.018
	13.560.218.608	26.685.669.325

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Phải trả các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	957.101.823	784.635.823
- Phải trả tiền Cổ tức	596.400.800	596.400.800
- Phải trả lãi tiền vay	2.882.037.626	3.218.427.478
- Phải trả các đội thi công của Công ty	3.262.373.036	4.442.716.915
- Phải trả các khoản thu hộ	803.797.282	769.183.231
- Phải trả người lao động tiền trợ cấp thôi việc	1.578.637.710	1.766.555.419
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.767.505.000	3.019.208.322
	12.847.853.277	14.597.127.988

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**20 PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
b) Chi tiết theo đối tượng		
b.1) Phải trả các bên liên quan	4.063.394.905	4.431.098.808
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	3.269.765.156	3.367.561.815
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	205.017.438	183.131.489
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	-	196.000.000
- Công ty Cổ phần Greenpan	81.481.061	237.274.254
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc	507.131.250	447.131.250
b.2) Phải trả các bên khác	8.784.458.372	10.166.029.180
- Phải trả các đội thi công của Công ty	3.262.373.036	4.442.716.915
- Phải trả các Cổ đông tiền Cổ tức	596.400.800	596.400.800
- Phải trả các Ngân hàng tiền lãi vay	-	65.917.405
- Phải trả người lao động tiền trợ cấp thôi việc	1.578.637.710	1.766.555.419
- Các đối tượng khác	3.347.046.826	3.294.438.641
	12.847.853.277	14.597.127.988

21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	280.894.525	280.894.525
	280.894.525	280.894.525

Thông tin chi tiết liên quan khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Số đầu kỳ	280.894.525	480.830.348
Tăng do trích dự phòng trong kỳ	-	(139.706.389)
Số cuối kỳ	280.894.525	341.123.959

b) Dài hạn

- Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.876.811.750	1.876.811.750
	1.876.811.750	1.876.811.750

Thông tin chi tiết liên quan khoản dự phòng trợ cấp thôi việc:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Số đầu kỳ	1.876.811.750	2.112.411.750
Số cuối kỳ	1.876.811.750	2.112.411.750

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	355.667.800.000	284.019.059	(29.238.407.099)	5.427.578.589	43.297.895.148	375.438.885.697
Lãi trong 06 tháng đầu năm 2023	-	-	-	-	454.809.153	454.809.153
Số dư tại ngày 30/06/2023	355.667.800.000	284.019.059	(29.238.407.099)	5.427.578.589	43.752.704.301	375.893.694.850
Số dư tại ngày 30/06/2023	355.667.800.000	284.019.059	(29.238.407.099)	5.427.578.589	43.752.704.301	375.893.694.850
Lãi trong 06 tháng cuối năm 2023	-	-	-	-	865.655.290	865.655.290
Số dư tại ngày 31/12/2023	355.667.800.000	284.019.059	(29.238.407.099)	5.427.578.589	44.618.359.591	376.759.350.140
Số dư tại ngày 01/01/2024	355.667.800.000	284.019.059	(29.238.407.099)	5.427.578.589	44.618.359.591	376.759.350.140
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	290.529.975	290.529.975
Số dư tại ngày 30/06/2024	355.667.800.000	284.019.059	(29.238.407.099)	5.427.578.589	44.908.889.566	377.049.880.115

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Taisei Oncho Co., Ltd	89.094.560.000	25,05	89.094.560.000	25,05
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Sanyo Việt Nam	71.500.000.000	20,10	71.500.000.000	20,10
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	45.672.000.000	12,85	45.672.000.000	12,85
- Vốn góp của đối tượng khác	131.601.240.000	37,00	131.601.240.000	37,00
- Cổ phiếu quỹ	17.800.000.000	5,00	17.800.000.000	5,00
	355.667.800.000	100	355.667.800.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	355.667.800.000	355.667.800.000
- Vốn góp cuối kỳ	355.667.800.000	355.667.800.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	596.400.800	596.400.800
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	596.400.800	596.400.800

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.566.780	35.566.780
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.566.780	35.566.780
- Cổ phiếu phổ thông	35.566.780	35.566.780
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.780.000)	(1.780.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.780.000)	(1.780.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.786.780	33.786.780
- Cổ phiếu phổ thông	33.786.780	33.786.780
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.427.578.589	5.427.578.589
	5.427.578.589	5.427.578.589

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê mặt bằng văn phòng tại tầng 20 Toà nhà TTC, 253 Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng với tổng diện tích thuê là 169,35 m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm từ ngày 23/11/2023.

Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng số tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:		
- Từ 1 năm trở xuống	1.133.599.770	1.105.951.692
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.424.497.716	5.005.121.640
	5.558.097.486	6.111.073.332

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ (USD)	6.128,63	6.128,63

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Các đối tượng khác	1.439.986.456	1.439.986.456
	1.439.986.456	1.439.986.456

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	2.128.624.093	36.035.789.305
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ quản lý	2.614.953.841	8.715.701.109
Doanh thu từ bán hàng hóa, vật tư	-	640.910.586
	4.743.577.934	45.392.401.000
Trong đó: Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	2.614.953.841	8.715.701.109

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	1.194.294.302	35.750.861.588
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	-	640.910.586
	1.194.294.302	36.391.772.174
	783.134.169	26.199.613.984

Trong đó: Mua dịch vụ từ các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay	3.511.975.186	9.537.055.152
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.511.890.000	-
Doanh thu tài chính khác	411.240.000	-
	9.435.105.186	9.537.055.152
	8.304.468.621	3.696.399.238

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.264.286.584	6.490.237.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	193.110	78.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.538.780	778.342.532
	2.281.018.474	7.268.659.451
	1.626.146.936	2.094.774.588

Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	65.619.539	-
Chi phí nhân công	6.798.655.896	7.500.923.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	306.023.472	348.450.525
Thuế, phí, lệ phí	1.640.580	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.861.092.124	2.914.137.007
Chi phí khác bằng tiền	722.597.185	192.051.818
	10.755.628.796	10.955.562.413
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp với các bên liên quan	594.381.044	-
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.</i>		

29 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	400.000.000	-
Thu nhập khác	431.374.946	891.461.054
	831.374.946	891.461.054
Trong đó: Thu nhập khác nhận từ các bên liên quan	400.000.000	298.085.772
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.</i>		

30 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí khác	301.960	162.651.317
	301.960	162.651.317

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Trụ sở chính	488.284.559	540.342.698
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Chi nhánh	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	488.284.559	540.342.698

Chi phí thuế TNDN hiện hành cho kỳ kế toán được ước tính dựa trên thu nhập tính thuế và có thể được điều chỉnh tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế.

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.244.582.169	2.466.453.418
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	(1.221.871.249)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.244.582.169	1.244.582.169

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	47.120.000
	-	47.120.000

c) Các khoản lỗ tính thuế chưa chắc chắn khả năng được sử dụng trong tương lai

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Chi nhánh như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của Cơ quan thuế	Lỗ tính thuế	Số lỗ tính thuế bị mất	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND	VND
2021	Chưa thanh tra thuế	3.417.794.075	3.417.794.075	-
2022	Chưa thanh tra thuế	107.408.859.750	107.408.859.750	-
2023	Chưa thanh tra thuế	177.524.288	177.524.288	-
06 tháng đầu năm 2024	Chưa thanh tra thuế	77.499.456	77.499.456	-

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng chi nhánh có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn do chi nhánh dự kiến sẽ đóng cửa trong tương lai gần. Do đó, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong báo cáo tài chính này liên quan đến các khoản lỗ tính thuế nêu trên.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	284.944.456	9.697.397.527
Chi phí nhân công	6.868.899.755	7.500.923.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	306.023.472	356.132.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.850.053.215	27.857.085.177
Chi phí khác bằng tiền	729.105.291	251.174.578
	12.039.026.189	45.662.713.102

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.464.273.490	-	-	1.464.273.490
Phải thu khách hàng, phải thu khác	195.916.431.073	274.000.000	-	196.190.431.073
Các khoản cho vay	110.466.275.882	10.000.000.000	-	120.466.275.882
	307.846.980.445	10.274.000.000	-	318.120.980.445
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.039.818.643	-	-	18.039.818.643
Phải thu khách hàng, phải thu khác	206.651.377.205	1.362.640.000	-	208.014.017.205
Các khoản cho vay	111.890.275.882	-	-	111.890.275.882
	336.581.471.730	1.362.640.000	-	337.944.111.730

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Các khoản vay	71.794.775.241	623.000.000	-	72.417.775.241
Phải trả người bán, phải trả khác	199.095.937.539	-	-	199.095.937.539
Chi phí phải trả	14.169.252.438	-	-	14.169.252.438
	285.059.965.218	623.000.000	-	285.682.965.218
Tại ngày 01/01/2024				
Các khoản vay	50.499.473.234	767.000.000	-	51.266.473.234
Phải trả người bán, phải trả khác	234.833.336.060	-	-	234.833.336.060
Chi phí phải trả	27.105.776.730	-	-	27.105.776.730
	312.438.586.024	767.000.000	-	313.205.586.024

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	42.953.801.288	61.389.854.532
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	21.802.499.281	25.938.763.884

36 . THÔNG TIN KHÁC

a) Tranh chấp hợp đồng thi công tại Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An

Công ty Cổ phần Searefico do Chi nhánh Cơ điện lạnh Đà Nẵng (gọi tắt là "SEAREFICO") làm đại diện và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "DESCON") đã ký và thực hiện 03 (ba) hợp đồng thi công công trình xây dựng tại Dự án Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An do Công ty Cổ phần Tri Việt Hội An làm Chủ đầu tư. Theo các hợp đồng giao thầu và phụ lục đã ký kết, SEAREFICO sẽ cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống cơ điện cho các hạng mục tại dự án. SEAREFICO đã hoàn thành thi công theo yêu cầu và bàn giao cho DESCON theo đúng thỏa thuận với tổng giá trị thi công là 155.543.094.592 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). DESCON đã thanh toán cho SEAREFICO với tổng số tiền là 71.582.977.896 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%), giá trị còn lại 83.960.119.696 VND đến nay DESCON vẫn chưa thanh toán.

Ngày 01/06/2022, Công ty Luật TNHH ALB & Partners (gọi tắt là "ALB & Partners") là đại diện của SEAREFICO đã nộp hồ sơ khởi kiện DESCON tại Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh để yêu cầu thanh toán công nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công tại Dự án Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An. Theo Bản án sơ thẩm số 301/2022/KDTM-ST ngày 30/09/2022, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của SEAREFICO, buộc DESCON có nghĩa vụ thanh toán cho SEAREFICO số tiền nợ gốc các hợp đồng là 83.960.119.696 VND và tiền lãi chậm trả phát sinh. Ngoài ra, DESCON phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo sau ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong.

Ngày 22/03/2023, Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1505/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo Bản án sơ thẩm số 301/2022/KDTM-ST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đối với DESCON.

Tổng số tiền gốc mà DESCON còn phải thanh toán cho SEAREFICO đến ngày 30/06/2024 là 83.960.119.696 VND (chưa bao gồm tiền lãi chậm trả phát sinh và tiền lãi thi hành án).

b) Tranh chấp hợp đồng thi công tại Dự án Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp The Empire (Cocobay)

Công ty Cổ phần Searefico do Chi nhánh Cơ điện lạnh Đà Nẵng (gọi tắt là "SEAREFICO") làm đại diện và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đô (gọi tắt là "THÀNH ĐÔ") - Chủ đầu tư Dự án Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp The Empire (Cocobay), đã ký và thực hiện 02 (hai) hợp đồng thi công công trình xây dựng tại dự án.

Ngày 07/09/2022, Công ty Luật TNHH ALB & Partners (gọi tắt là "ALB & Partners") là đại diện của SEAREFICO đã nộp hồ sơ khởi kiện THÀNH ĐÔ tại Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng để yêu cầu thanh toán công nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công tại dự án. Ngày 02/06/2023, Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2023/QĐST-KDTM, theo đó THÀNH ĐÔ có nghĩa vụ thanh toán cho SEAREFICO tổng số tiền nợ gốc là 15.761.138.801 VND.

Ngày 18/08/2023, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo Quyết định số 09/2023/QĐST-KDTM ngày 02/06/2023 của Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng đối với THÀNH ĐÔ. Ngày 27/10/2023, THÀNH ĐÔ đã thanh toán cho SEAREFICO số tiền 5.912.573.878 VND.

Tổng số tiền mà THÀNH ĐÔ còn phải thanh toán cho SEAREFICO đến ngày 30/06/2024 là 9.848.564.923 VND (chưa bao gồm tiền lãi thi hành án).

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

- Taisei Oncho Co., Ltd
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Sanyo Việt Nam
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu
- Công ty Cổ phần Bất động sản Seareal
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee
- Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation
- Công ty Cổ phần Greenpan
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Giải pháp Quang Phú
- Công ty TNHH SEA MH Solar
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Formtek

Mối quan hệ

- Cổ đông góp vốn
- Cổ đông góp vốn
- Cổ đông góp vốn
- Công ty con trực tiếp
- Công ty con trực tiếp
- Công ty con trực tiếp
- Công ty con gián tiếp
- Công ty con gián tiếp
- Công ty con gián tiếp
- Công ty liên kết gián tiếp
- Công ty liên kết gián tiếp
- Doanh nghiệp do Công ty đầu tư trực tiếp trên 10% quyền biểu quyết



CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.614.953.841	8.715.701.109
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	1.309.313.955	5.747.811.139
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	1.305.639.886	2.749.030.481
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	-	218.859.489
Mua hàng hóa, dịch vụ	783.134.169	26.199.613.984
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	594.381.044	17.788.593.705
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	188.753.125	8.411.020.279
Lãi cho vay	2.792.578.621	3.696.399.238
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	726.193.968	906.577.648
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	1.224.789.041	1.976.193.782
- Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	373.516.710	-
- Công ty Cổ phần Greenpan	468.078.902	813.627.808
Chi phí quản lý doanh nghiệp	594.381.044	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	594.381.044	-
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	5.511.890.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	5.511.890.000	-
Chi phí lãi vay	1.626.146.936	2.094.774.588
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	548.132.328	1.469.441.423
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Searee	1.057.807.801	593.239.591
- Công ty Cổ phần Greenpan	20.206.807	32.093.574
Thu nhập khác	400.000.000	298.085.772
- Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	-	298.085.772
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	400.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICOSố 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Họ và tên	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	252.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên Hội đồng Quản trị	150.000.000	150.000.000
Ông Ryota Fukuda	Thành viên Hội đồng Quản trị	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	180.000.000	150.000.000
Ông Yoshihiko Shiotsugu (Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2023)	Thành viên Hội đồng Quản trị	150.000.000	75.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh (Bổ nhiệm từ ngày 14/06/2024)	Thành viên Hội đồng Quản trị	15.000.000	-
Ông Nishi Masayuki (Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2023)	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	75.000.000
Ông Phạm Kyle Anh Tuấn (Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2024)	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	150.000.000
Ông Vũ Xuân Thúc	Tổng Giám đốc	680.272.045	655.651.351
Ông Trần Đình Mười	Phó Tổng Giám đốc	531.116.874	568.853.060
Ông Nguyễn Kinh Luân (Bổ nhiệm từ ngày 29/09/2023) (Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2024)	Phó Tổng Giám đốc	331.089.153	-
Ông Đinh Ngọc Triển	Kế toán trưởng	365.667.818	360.003.783

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được Công ty TNHH PwC Việt Nam soát xét.

Người lập



Nguyễn Thành Tâm

Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Triển

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc điều hành



Vũ Xuân Thúc